TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 946/2019/QĐST-HNGĐ	*Hóc Môn, ngày 21 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 727/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huỳnh T, sinh năm 1985

Địa chỉ: 93/3B ấp D 2, xã T, huyện H, Tp. HCM

Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh P, sinh năm 1985

Địa chỉ: 93/3B ấp D 2, xã T, huyện H, Tp. HCM.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Huỳnh T và bà Nguyễn Thanh P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh T N, sinh ngày 01/01/2009; Nguyễn Huỳnh T N, sinh ngày 15/11/2006. Khi ly hôn bà P trực tiếp nuôi dưỡng 02 con; yêu cầu ông T cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng/thẻ cho đến khi 02 trẻ trưởng thành.

Vì lợi ích con chung, sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này, khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt qua mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: đương sự khai không có.

Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 150.000 đồng ông T tự nguyện chịu, ngoài ra ông T còn chịu án phí 150.000 đồng đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, được tính cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Trọng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0004227 ngày 14/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Ông T đã đóng đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HHM;
- UBND xã T,;
(số 66 quyển 01/2006)
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lý Thành Danh